CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU-VVMI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU-VVMI
DN: C=VN, S=THÁI NGUYÊN, L=Đại Từ, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU-VVMI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4600409377
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-03-06 09:31:22
Foxit Reader Version: 9.3.0

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

THÁI NGUYÊN - NGÀY 01/3/2019

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

THÁI NGUYÊN - NGÀY 01/3/2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018

TÊN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1703000299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/06/2017 với Mã số doanh nghiệp 4600409377
- Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 250.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02083.901.329
- Số Fax: 02083.843.185
- Website: http://ximangquantrieu.com
- Mã cổ phiếu: CQT

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI là một doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV- CTCP, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 1703000299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 6 ngày 16/06/2017 với Mã số doanh nghiệp 4600409377, với các cổ đông sáng lập là các Công ty có tiềm lực tài chính và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, cụ thể gồm: Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin; Công ty TNHH một thành viên Than Khánh Hòa VVMI; Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị Than nội địa; Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI; Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI.

Ngày 31/05/2007, Công ty chính thức hoạt động với mức vốn điều lệ ban đầu là 120 tỷ đồng. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện quá trình tăng vốn để mở rộng qui mô. Tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 250 tỷ đồng. Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (nắm giữ 21.228.014 cổ phần chiếm tỷ lệ 84,91% tổng số vốn điều lệ của Công ty).

❖ **Quá trình tăng vốn điều lệ:**

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty cổ phần là 120.000.000.000 đồng.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện quá trình tăng vốn để mở rộng qui mô, cụ thể:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/02/2008 đã nhất trí thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty từ 120 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng (phát hành thêm 4.000.000 cổ phần tương ứng với 40 tỷ đồng) cho cổ đông hiện hữu, thời gian thực hiện vào Quý IV năm 2008.

- Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 26/5/2008 đã nhất trí thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 160 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng (phát hành thêm 4.000.000 cổ phần tương ứng với 40 tỷ đồng), thời gian thực hiện từ Quí I năm 2009 cho đến cuối năm 2010 và ngày 22/12/2010 Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 3 với mức vốn điều lệ là 200 tỷ đồng.

- Căn cứ tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy và giá trị tổng dự toán công trình, ngày 16/4/2011 tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã nhất trí thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng, phát hành cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông góp vốn theo tiến độ; ngày 14/06/2017 Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 6 với mức vốn điều lệ là 250 tỷ đồng.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất xi măng, clinker và các sản phẩm vật liệu xây dựng khác;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ khác.

+ Địa bàn kinh doanh:

- Hiện tại, địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính ở Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty, các khối nghiệp vụ của Công ty gồm 6 phòng ban và 3 phân xưởng. Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI hiện nay không có các đơn vị hoạch toán phụ thuộc cũng như các đơn vị thành viên.

- Công ty bán hàng cho trên 130 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu ở khu vực phía Bắc, bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang,… và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

Sơ đồ tổ chức Công ty:

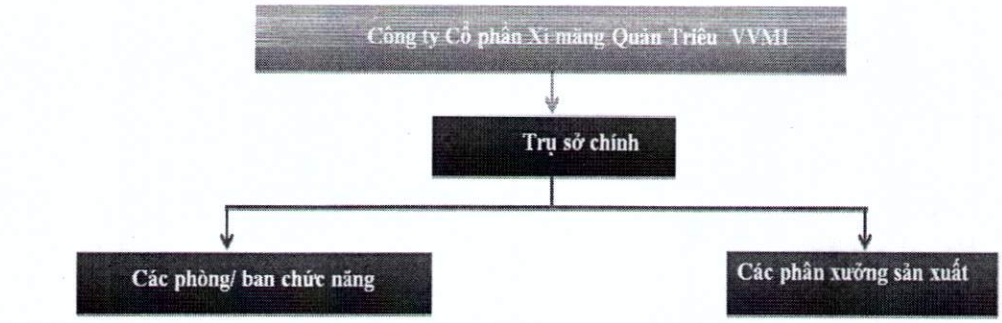

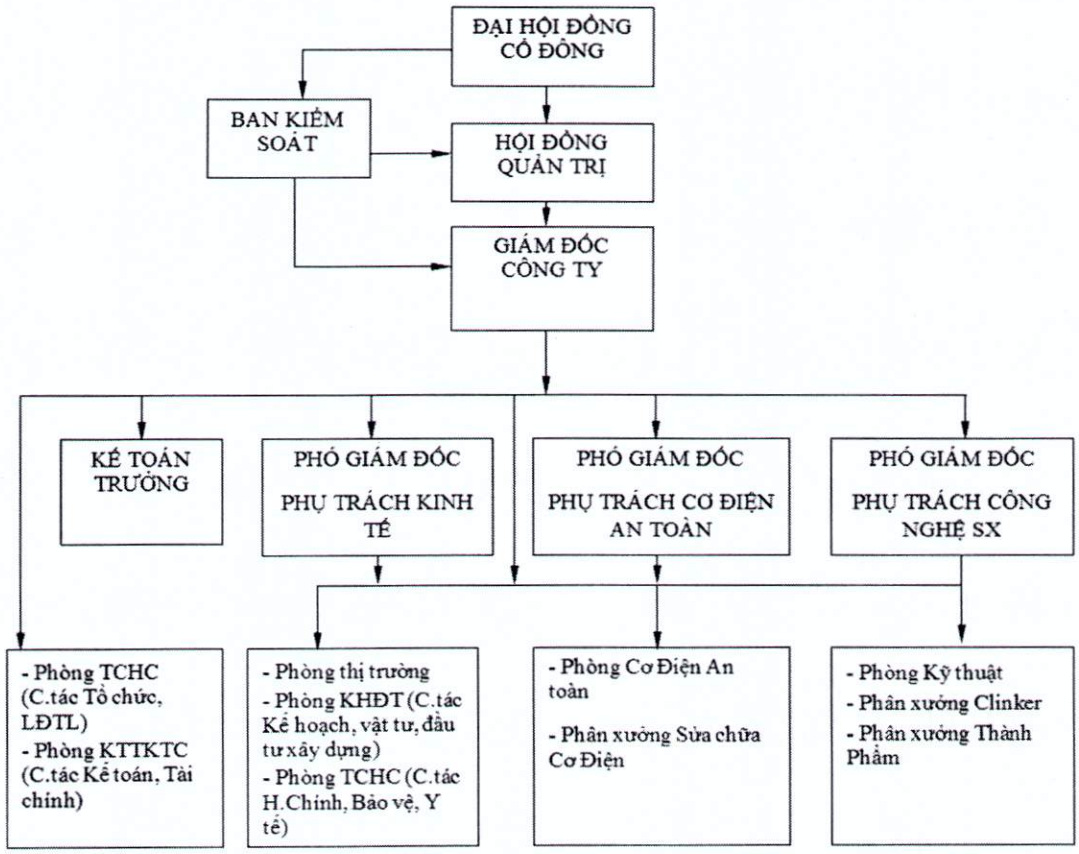

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng. Nhìn chung bộ máy quản lý và điều hành Công ty đã thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ điều hành quản lý hoạt động SXKD đã có sự phân công trách nhiệm rõ ràng của từng bộ phận trong dây chuyền sản xuất.

❖ **Bộ máy lãnh đạo:**

- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,… Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lí của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc theo đúng qui định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cung cấp mọi Hồ sơ và thông tin cần thiết liên quan đến công tác điều hành quản lí Công ty.

- **Ban Giám đốc**

Giám đốc là đại diện pháp luật của Công ty. Chịu trách nhiệm về tổ chức sản xuất điều hành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, cơ quan chủ quản theo quy định, thực hiện nghĩa vụ với người lao động theo hợp đồng đã ký.

Các Phó Giám đốc Công ty là người giúp việc trực tiếp cho Giám đốc Công ty trong từng lĩnh vực đã phân công.

- **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng có nhiệm vụ phụ trách chung mọi hoạt động của phòng Kế toán - Thống kê, tham mưu cho Giám đốc về tình hình tài chính, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về toàn bộ công tác và chế độ tài chính của Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng:**

Công ty bao gồm 6 phòng chuyên môn và 3 phân xưởng. Cụ thể: Phòng TCHC (bao gồm: Công tác Tổ chức, LĐTL, Văn phòng, Y tế, Bảo vệ), Phòng KTTKTC (bao gồm: Công tác Kế toán, Tài chính, Bán hàng), Phòng KHĐT (bao gồm: Công tác Kế hoạch, Vật tư, Đầu tư xây dựng), Phòng Thị Trường, Phòng Cơ Điện An toàn (bao gồm: Công tác Kỹ thuật cơ điện, An toàn BHLĐ), Phòng Kỹ thuật. Các phân xưởng gồm có: Phân xưởng Clinker, Phân xưởng Thành Phẩm,Phân xưởng Sửa chữa Cơ Điện.

4. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển:

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI có định hướng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh bằng việc đầu tư phát triển theo chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu của khách hàng. Cụ thể:

- Thực hành tiết kiệm triệt để trong sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, tiếp tục hoàn thiện Quy chế khoán nhằm giảm thiểu chí phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Triển khai thực hiện Quy chế khoán đến từng phân xưởng sản xuất và các bộ phận trong Công ty;

- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý nguồn nguyên, nhiên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất;

- Đặt khách hàng là trung tâm cho mọi hoạt động của Công ty, thường xuyên bám sát diễn biến thị trường để xây dựng và triển khai các chính sách bán hàng linh hoạt nhằm khai thác triệt để thời cơ kinh doanh;

- Thường xuyên rà soát việc bố trí sử dụng lao động tại các tổ, các bộ phận trong Công ty để bố trí hợp lý lao động trong dây chuyền sản xuất, phát huy tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động;

- Rà soát, phân loại các khoản nợ phải thu để có kế hoạch và thành lập ban thu hồi công nợ để đưa ra những biện pháp thu hồi nợ hợp lý;

- Đặc biệt quan tâm đến công tác đầu tư phát triển nguồn nhân lực như ký kết hợp đồng đào tạo với các trường để tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên và nâng cao năng lực, trình độ quản lý cho Ban lãnh đạo Công ty;

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty: Không ngừng đổi mới và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, đảm bảo môi trường trong sạch đối với cộng đồng và xã hội.Công ty đã và đang lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động kết nối với Sở tài nguyên môi trường, cố gắng đảm bảo và giảm thiểu tối đa khói bụi ảnh hưởng đến môi trường.

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, Công ty xác định một mặt phải tiếp tục ổn định công tác tổ chức sản xuất, mặt khác phải đặt biệt quan tâm chú trọng đến công tác tiêu thụ, phát triển thị trường, để làm được điều đó Công ty dự kiến thực hiện các công việc sau:

5.1. Về công tác sản xuất

a. Về thiết bị:

Tuân thủ các quy định về vận hành, thường xuyên kiểm tra tình hình của máy móc, thiết bị, hệ thống dây chuyền sản xuất; rà soát tình trạng hoạt động của thiết bị để giảm thời gian dừng do sự cố ngoài ý muốn.

Tăng cường công tác điều hành sản xuất, phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong khối và bộ phận tiêu thụ để đưa ra lịch chạy hoặc dừng thiết bị hợp lý nhất, đảm bảo cho thiết bị chạy liên tục, dài ngày, hạn chế số lần khởi động và dừng thiết bị.

Tăng cường công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật; Tiến hành khắc phục và sửa chữa các thiết bị như máy nghiền nguyên liệu, máy nghiền xi, máy nghiền than nhằm nâng cao năng suất thiết bị, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; Tính toán tối ưu hóa thời gian bảo trì và thời gian chạy máy để đảm bảo thiết bị chạy ổn định nhất, chủ động dừng các thiết bị vào giờ cao điểm để giảm chi phí điện năng.

Tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất bằng cách tăng cường công tác bảo dưỡng sửa chữa để giảm thời gian ngừng sản xuất nâng cao hiệu suất thiết bị, nâng cao năng suất lò nung và công suất nghiền xi măng. Cung cấp nhanh chóng, kịp thời vật

tư, thiết bị, phụ tùng thay thế để đảm bảo cho quá trình sản xuất của nhà máy được liên tục. Tăng tỷ lệ phối trộn than cám 4A Núi Hồng với than cám 5 Khánh Hòa và than cám 7B Khánh Hòa để đảm bảo có đủ nguồn nhiên liệu phục vụ sản xuất đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cao. Quản lý chặt chẽ hệ thống kho bãi chứa nguyên vật liệu một cách tiết kiệm, khoa học.

Xây dựng kế hoạch tổng hợp, chi tiết cho từng đơn vị. Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch đã đặt ra đối với từng đơn vị và có những biện pháp điều chỉnh cần thiết, kịp thời.

b. Về công nghệ sản xuất:

Triển khai tích cực các giải pháp công nghệ để nâng cao mác nền clinker và xi măng, tổ chức giám sát chặt chẽ hệ số phối liệu từ khâu lựa chọn nguyên liệu đến khâu vận hành thiết bị để giữ phối liệu ổn định.

Nghiên cứu cân đối tỷ lệ từng loại phụ gia, tiến hành thử nghiệm khả năng hoạt tính, khả năng cải thiện màu sắc để xác định tỷ lệ phụ gia tối ưu nhằm hạ giá thành sản xuất và tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu hiện có để đáp ứng ổn định phối liệu và giảm tiêu hao các nguyên liệu điều chỉnh.

Nghiên cứu các biện pháp sản xuất clinker với chất lượng tốt, mác cao để có khả năng pha được nhiều phụ gia xi măng, tăng được khối lượng xi măng để giảm chi phí giá thành trên một tấn sản phẩm.

Công ty đã sử dụng phụ gia trợ nghiền để tăng nâng suất nghiền xi măng và tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Kiểm tra chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, tuân thủ quy trình công nghệ đảm bảo chất lượng hàng khi xuất bán.

Kiểm tra giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm bằng cách kiểm tra sát sao chất lượng nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, tuân thủ quy trình kỹ thuật công nghệ, kiểm soát chất lượng sản phẩm xuất bán. Đặc biệt tăng cường kiểm soát chặt chất lượng đá vôi đầu vào, dự trữ vật tư, nguyên vật liệu hợp lý phục vụ kịp thời sản xuất, xây dựng bài toán phối liệu phù hợp với sự dao động của nguyên liệu đầu vào, kiểm tra thường xuyên, liên tục chất lượng xi măng, clinker xuất bán, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm kém chất lượng.

c. Về công tác An toàn lao động:

Đặc biệt chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ trong đơn vị, nâng cao ý thức tự giác của người lao động thực hiện tốt việc sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng quy định, tuyên truyền, vận động người lao động tự bảo vệ mình, bảo vệ đồng đội.

Kiên quyết không để xảy ra tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động chết người và sự cố thiết bị loại I, loại II.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường kỷ luật lao động đối với các cá nhân vi phạm, động viên, khen thưởng kịp thời các cá nhân xuất sắc.

Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các biện pháp an toàn trong thực hiện nhiệm vụ, tích cực cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, phòng chống độc hại tại các vị trí sản xuất.

Phấn đấu chấm điểm cuối năm 2019 Công ty đạt hoàn thành kế hoạch Tổng công ty giao.

d. Về thị trường tiêu thụ:

Thực hiện nghiêm túc cơ chế điều hành của Tổng Công ty Công ty công nghiệp mỏ việt Bắc TKV - CTCP và Cơ chế điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018. Công ty tiếp tục cải điều chỉnh công tác thị trường, tự chủ hơn trong việc điều hành, quản lý thị trường.Giám sát chặt trẽ hơn các nhân viên thị trường trong công tác chăm sóc khách hàng, giới thiệu quảng bá sản phẩm, đôn đốc và thu hồi công nợ của khách hàng. Công ty đã xây dựng được chế tài cụ thể với công tác bán hàng và thu hồi công nợ.

Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới tiêu thụ, mở rộng thị trường ra các địa bàn có tiềm năng, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với hệ thống đại lý và nhà phân phối để tăng sản lượng tiêu thụ. Có chế độ chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp để nâng cao chất lượng dịch vụ bán hàng và sau bán hàng. Tổ chức chăm sóc khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới.

Tiếp tục giữ vững thị trường đang có, chọn lọc khách hàng tiềm năng, giảm bớt việc bán hàng trả chậm, xây dựng thương hiệu thông qua quảng cáo, chăm sóc khách hàng và duy trì sự ổn định của chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh tiêu thụ ở khu vực giá

cao như tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn, giữ vững thị trường Bắc Giang, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh. Tăng cường cán bộ kiểm tra kiểm soát thị trường, chăm sóc khách hàng, nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản lượng xi măng.

Thực hiện chiết khấu hợp lý đối với từng khách hàng, từng thời điểm trên các khu vực thị trường nhằm đảm bảo sự gắn bó lâu dài giữa Công ty và khách hàng.

Cụ thể đối với các khu vực thị trường như sau:

❖ *Đối với thị trường tỉnh Thái Nguyên:*

- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng đối với các khách hàng có năng lực tài chính tốt, Đây là thị trường lõi Công ty luôn luôn đặt mục tiêu tiêu thụ nhiều sản phẩm nhất. Năm 2018 riêng thị trường Thái Nguyên đạt 365.537,94 tấn sản phẩm bằng 180,96% kế hoạch đề ra.

- Tăng cường bám sát thị trường, quảng bá thương hiệu. Giữ vững thị trường. Cuối năm thị trường Thái Nguyên đã không để phát sinh thêm công nợ xấu.

- Công ty cũng đã ký hợp đồng với phòng tài chính các Huyện trên địa bàn Tỉnh, phối hợp chặt trẽ với Ban điều phối nông thôn và phòng Tài chính các Huyện và UBND các Xã thực hiện tốt chương trình kiên cố hóa nông thôn, xây dựng đường nông thôn. Năm 2018 công ty đã thực hiện cung cấp được 25.442,6 tấn xi măng/Kế hoạch 25.442,6 tấn xi măng cho xây dựng đường nông thôn.

❖ *Đối với thị trường tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng:*

- Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng với các khách hàng có năng lực tài chính tốt, mở rộng thị trường ký hợp đồng với các nhà phân phối, các đại lý.

- Tăng cường bám sát thị trường, quảng bá thương hiệu.

- Tăng cường đưa sản phẩm xi măng Quán Triều vào các công trình xây dựng thông qua các Sở ban ngành tại địa bàn để tăng sản lượng tiêu thụ đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao. Năm 2018 thị trường Bắc Kạn và Cao Bằng cũng đã có sự tăng trưởng từ 5 đến 11,7% cụ thể thị trường Bắc Kạn năm 2018 đã tiêu thụ 25.730,9 tấn Sp/ KH 24.500 tấn SP. Thị trường Cao Bằng năm 2018 đã tiêu thụ 52.882,84 tấn SP/KH 45.000 tấn SP.

❖ *Đối với các thị trường còn lại*: Tiếp tục giữ vững thị phần, theo dõi bám sát thị trường, kiểm tra kiểm soát thị trường chặt chẽ. Đặc biệt thị trường Bắc Giang và

Hà Nội đã có sự gia tăng tích cực về sản lượng. Cụ thể: Thị trường Bắc Giang tiêu thụ 121.909,77 tấn/KH 81.000 tấn Sp bằng 150,5 % KH.

5.2 Về công tác Tài chính:

- Tập trung giải quyết nguồn vốn, tiếp tục mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho quá trình sản xuất ổn định của nhà máy, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động, không để nợ tồn đọng và thất thoát vốn.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giữ vững các khách hàng có khả năng thanh toán tiền ngay, đúng hẹn. Tuyệt đối không để phát sinh nợ xấu, nợ dây dưa, công nợ khó đòi.

- Xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán hợp lý nhằm thu tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động cũng như không để thất thoát vốn.

- Không để thất thoát tài sản, vật tư, tiền vốn, cố gắng tìm các biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ để có nguồn thanh toán công nợ kịp thời, giảm số dư nợ vay vốn lưu động. Thực hiện thanh toán nợ phải trả đối với khách hàng đúng thời hạn quy định, không để nợ quá hạn.

5.3. Về công tác tổ chức lao động:

- Chuẩn bị đầy đủ nguồn nhân lực, để sẵn sàng triển khai các công việc, nhằm đáp ứng tốt những yêu cầu công việc đặt ra. Có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, đội ngũ công nhân kỹ thuật, nghiệp vụ. Nâng cao tư duy cán bộ công nhân viên về tính chủ động trong công việc, thực hiện tốt việc giao thiết bị đến từng cá nhân người lao động,người quản lý phân xưởng nhằm nâng cao trách nhiệm trong công việc với mục tiêu tăng thời gian hoạt động của thiết bị,tăng năng hiệu quả của thiết bị,giảm thiểu các sự cố hỏng hóc thiết bị do lỗi chủ quan của người lao động. Kiên quyết không sử dụng những người lao động lười biếng, có tay nghề kém, trình độ chuyên môn nghiệp vụ yếu và thiếu trách nhiệm trong công tác sau khi đã trải qua quá trình đào tạo, rèn luyện.

Tiếp tục sắp xếp lại lực lượng lao động, tiến hành đào tạo, bổ nhiệm cán bộ tại các vị trí chủ chốt nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác.

- Công tác tái cơ cấu lao động Công ty về cơ bản đã thực hiện xong theo đúng mô hình tổ chức mẫu của Tổng công ty. Tổng số CBVNV Công ty hiện tại là 352 người /KH 351 người, so với đầu năm, Công ty hiện tại là 6 phòng, 3 phân xưởng.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện ăn ở và làm việc cho người lao động để người lao động yên tâm công tác như: bố trí nơi ăn chốn ở, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất nơi làm việc, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ thể thao trong toàn Công ty, xây dựng đời sống tinh thần cho CBCNV ngày càng được nâng cao. Tăng cường công tác an ninh giữ gìn trật tự trong địa bàn nhà máy, tăng cường sức mạnh đội ngũ bảo vệ của Công ty ngày một lớn mạnh, để đóng góp nhiều hơn nữa trong công tác giữ gìn an ninh trật tự.

- Về công tác tiền lương:

Tổng quỹ tiền lương được quyết toán: 29,037 tỷ đồng:

Trong đó:

- Quỹ lương thực hiện đối với VCQL: 1,450 tỷ đồng
- Quỹ lương thực hiện chi trả cho người lao động: 27,58 tỷ đồng.

+ Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2018 là 352 người.

Trong đó: - Lao động công nghệ: 213 người = 60,51%
- Lao động quản lý: 61 người = 17,33%
- Lao động phụ trợ: 56 người = 15,91%
- Lao động phục vụ: 22 người = 6,25%

Các rủi ro:

❖ **Rủi ro về kinh tế**

Hoạt động kinh doanh của Công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động thay đổi theo chu kỳ của nền kinh tế. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu đẩy mạnh dòng tiền đầu tư, từ đó tạo động lực phát triển cho toàn nền kinh tế. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư, vô hình chung sẽ tác động ngược lại đến sự lưu chuyển của dòng tiền và từ đó kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp.

- **Rủi ro tăng trưởng và lạm phát**

Việt Nam đã có chủ trương đúng về tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng hợp lý. Nhờ các chủ trương đúng đắn này và sự chỉ đạo kiên quyết của lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo các ngành, địa phương,tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2018 là 7,08 % tăng so với kế hoạch là 6,8%, tình trạng lạm phát được đánh giá đã được kiểm soát, giảm khá tốt từ 23% thời điểm tháng 8/2011 còn 3,54% năm 2018. Mức lạm phát năm 2018 được đánh giá là thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu của Quốc hội đặt ra từ đầu năm (4%). Xét về tăng trưởng kinh tế, năm 2018 kết thúc với tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước tính tăng 7,08%. Mức tăng trưởng này cao hơn mục tiêu tăng 6,8 % đề ra đầu năm của Quốc hội. Nhìn chung, mặc dù các điều kiện về kinh tế trong nước cũng như toàn cầu đã và đang được cải thiện nhưng vẫn chưa phục hồi hoàn toàn sau khủng hoảng, tăng trưởng vẫn còn chậm và tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất lợi.

- **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Lãi suất huy động cũng liên tục giảm do tín dụng tăng yếu, ngân hàng thừa vốn. Đến cuối năm, lãi suất huy động kỳ hạn ngắn dao động từ 5% - 7%/năm, lãi suất kỳ hạn dài từ 7,1% - 10%/năm đang tạm thời giải quyết áp lực về chi phí sử dụng vốn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tạo điều kiện các doanh nghiệp hoạt động ổn định, lãi suất cho vay cũng cần phải được ổn định lâu dài như hiện nay.

Việc đẩy mạnh sử dụng công cụ đòn bẩy tài chính có thể làm tăng quy mô hoạt động, nhưng Công ty cũng cần có các biện pháp nhất định để kiềm chế sự ảnh hưởng của sự biến động lãi suất.

❖ **Rủi ro về pháp luật**

Là một công ty cổ phần do vậy hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng

khoán và thị trường chứng khoán. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua, hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp cho Công ty có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2014 hay việc cắt giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống còn 22% và 20%, … Những thay đổi này một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Công ty, mặt khác cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

❖ **Rủi ro đặc thù**

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI là công ty hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm xi măng. Bên cạnh đó, do Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP vừa là cổ đông lớn (nắm giữ 84,91% vốn điều lệ), vừa là nhà cung cấp của Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng từ kết quả hoạt động của ngành than. Như vậy, Công ty phải chịu thêm những rủi ro đặc thù của ngành than như rủi ro biến động giá cả, rủi ro về sự thay đổi theo hướng bất lợi của thời tiết,...

❖ **Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán**

Khi được chấp thuận đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một phần cấu tạo nên và do đó chịu ảnh hưởng của sự biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam, và rộng hơn là tình hình chung của thị trường chứng khoán thế giới.

Trong ngắn hạn, giá cả của cổ phiếu ít chịu ảnh hưởng của các biến số như tình trạng nền kinh tế hay doanh thu của công ty mà sẽ được quyết định bởi quy luật cung - cầu, tâm lý của nhà đầu tư và thậm chí cả những yếu tố phi kinh tế khác. Đây là những biến số ngẫu nhiên, thiếu tính ổn định và khó có thể dự đoán trước, qua đó, chúng làm gia tăng rủi ro biến động giá cho nhà đầu tư.

❖ **Rủi ro khác**

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Doanh thu thuần năm 2018 đạt: 593,47 tỷ đồng, tăng 22,7% so với cùng kỳ năm trước, trong khi đó giá vốn hàng bán năm 2018 tăng 18,75 % so với năm 2017 chủ yếu tăng do sản phẩm tiêu thụ tăng hơn so với năm 2017. Doanh thu tăng mạnh làm cho lợi nhuận gộp 2018 tăng 31 tỷ tương đương 49% so với cùng kỳ năm 2017. Cùng với đó, năm 2018 chi phí tài chính của Công ty cũng đã giảm mạnh, từ 68,53 tỷ đồng năm 2017 xuống còn 60,92 tỷ đồng năm 2018 tương đương giảm 7,6 tỷ. Tuy nhiên chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều tăng trên 20% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty đạt 5,35 tỷ đồng tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2018 có sự tăng mạnh là do trong năm 2018 giá bán sản phẩm xi măng đã tăng hơn so với năm 2017, nhất là việc duy trì sản xuất đã được ổn định, năng xuất sản xuất của thiết bị được tăng lên đáng kể.

Về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 so với kế hoạch đã đặt ra:

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHỦ YẾU NĂM 2018

Đơn vị: Công ty CP xi măng Quán Triều - VVMI

Biểu số: 01

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ %
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=5/4*
A	**Chỉ tiêu pháp lệnh**	**Đồng**	**18.503.000.000**	**19.303.237.401**	**104,32**
I	**Nộp ngân sách nhà nước**	**Đồng**	**18.503.000.000**	**19.303.237.401**	**104,32**
	Thuế GTGT	"	18.477.000.000	19.266.787.265	4,00
	Thuế đất	"	8.000.000	5.698.906	71,24
	Thuế tài nguyên	"	15.000.000	27.751.230	185,01
	Thuế môn bài	"	3.000.000	3.000.000	100,00
II	**Chỉ tiêu công nghệ**	**Đồng**			
	- Mác Clinker bình quân	N/mm2	50,0	50,0	100,00
	- Tiêu hao nhiệt	kcal/kgCLK	565,0	589,0	104,25
	- Độ ẩm phụ gia	%	<4	<7	
	- Tỷ lệ phụ gia				
	+ Xi măng PCB 30	%	38,00	33,74	88,80
	+ Xi măng PCB 40	%	19,00	16,85	88,67
B	**Chỉ tiêu giao khoán**	"			
I	**Tổng doanh thu**	**đồng**	**548.360.900.000**	**593.534.066.288**	**108,24**
	- Doanh thu xi măng, Clinker	đồng	548.360.900.000	587.575.230.264	107,15
	- Doanh thu khác	"	*0*	*5.958.836.024*	
II	**Doanh thu thuần**	**Đồng**	**548.360.900.000**	**593.534.066.288**	**108,24**
III	**Chi phí biến đổi**	**đồng**	**397.449.900.000**	**430.049.211.471**	**108,20**
	Nguyên vật liệu	"	154.534.559.337	157.734.496.934	102,07
	Nhiên liệu	"	90.255.551.127	102.251.733.035	113,29
	Động lực	"	102.713.167.269	115.878.899.098	112,82
	Tiền lương	"	27.100.000.000	29.037.967.879	107,15
	BHXH,Yté, KP CĐ	"	4.306.746.000	4.109.613.342	95,42
	Chi khác (Chưa bao gồm lãi vay)	"	16.751.866.637	18.464.325.161	110,22
	Chi phí thuê ngoài	"	3.290.080.000	2.572.176.022	78,18
	Tiết kiệm chi phí	"	-1.502.070.370	0	0,00
IV	**Lãi hoạt động**	**đồng**	**150.911.000.000**	**157.526.018.793**	**104,38**
	- Sản xuất xi măng, clinker	"	150.911.000.000	157.526.018.793	104,38
	- Sản xuất khác	"	0		
V	**Chi phí cố định**	**đồng**	**82.324.000.000**	**79.905.308.432**	**97,06**
1	Sản xuất kinh doanh	"	82.324.000.000	79.905.308.432	97,06

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ %
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=5/4*
	Khấu hao tài sản	"	82.313.000.000	79.896.609.526	97,06
	Thuế sử dụng đất	"	8.000.000	5.698.906	71,24
	Thuế môn bài	"	3.000.000	3.000.000	100,00
VI	**Chênh lệch dở dang đầu kỳ, cuối kỳ**	**đồng**		**11.220.278.467**	
VII	**Kinh doanh khác**			**6.097.064.411**	
VIII	**Lợi nhuận từ HĐSXKD**	**đồng**	**68.587.000.000**	**66.262.203.507**	**96,61**
	- Sản xuất xi măng, clinker	"	68.587.000.000	66.400.431.894	96,81
	- Sản xuất khác	"	0	-138.228.387	
IX	**Lợi tức từ HĐ tài chính**	**đồng**	**-62.887.000.000**	**-60.905.117.533**	**96,85**
1	Thu nhập hoạt động tài chính	"	0	13.430.581	
2	Chi phí hoạt động tài chính	đồng	-62.887.000.000	-60.918.548.114	96,87
	Trả lãi vay lưu động	"	-10.920.000.000	-5.383.141.222	49,30
	Trả lãi vay vốn cố định thiếu nguồn	"	-51.967.000.000	-49.354.919.388	94,97
	Lãi chậm trả, CKTT	"		-6.180.487.504	
X	**Tổng lợi nhuận**	**Đồng**	**5.700.000.000**	**5.357.085.974**	**93,98**
C	**Chỉ tiêu hiện vật**				
I	**Sản xuất và tiêu thụ xi măng**	**Tấn**	**720.000**	**781.627**	**108,56**
	+Xi măng bao PCB 30	"	152.500	173.284	113,63
	+Xi măng bao PCB 40	"	348.500	332.397	95,38
	+Xi măng bột PCB 30	"	0	11.913	
	+Xi măng bột PCB 40	"	133.000	141.354	106,28
	+Clinker	"	86.000	122.679	142,65
II	**Lao động và thu nhập**				
	- Tổng số lao động	Người	368	361	98,10
	- Tiền lương bình quân	đ/ng/th	6.136.775	6.703.132	109,23
	- Tiền ăn ca	đ/xuất	18.000	19.000	105,56

2. Tổ chức và nhân sự:

- Tóm tắt lý lịch cá nhân trong ban điều hành:

1.1 Giám đốc Công ty:

+ Họ và tên: **Trần Việt Cường**

+ Giới tính: Nam

+ Ngày tháng năm sinh: 26/3/1974

+ Địa chỉ thường trú:Tổ 14- Phường Hoàng Văn Thụ- TP Thái Nguyên

+ Quốc tịch: Việt Nam

+ Dân tộc: Kinh
+ Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2017: Không

Phó Giám đốc

+ Họ và tên : **Văn Trọng Tuấn**
+ Giới tính : Nam
+ Ngày tháng năm sinh : 11/10/1976
+ Quê quán : Yên Lãng - Đại Từ- Thái Nguyên
+ Địa chỉ thường trú: Tổ 18 phường Quang Trung- TP Thái Nguyên.
+ Quốc tịch : Việt Nam
+ Dân tộc : Kinh
+ Trình độ văn hoá : 12/12
+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tự động hóa cung cấp điện
+ Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2017: Không

1.3 Phó Giám đốc

+ Họ và tên : **Nguyễn Sóng Gió**
+ Giới tính: Nam
+ Ngày tháng năm sinh : 07/01/1968
+ Quê quán: xã Sơn Cẩm- Phú Lương
+ Địa chỉ thường trú: xã Sơn Cẩm- TP Thái Nguyên - Thái Nguyên
+ Quốc tịch : Việt Nam
+ Dân tộc : Kinh
+ Trình độ văn hoá : 12/12
+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
+ Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2017: 4.000 cổ phần

1.4 Phó Giám đốc

+ Họ và tên : **Đỗ Ngọc Huy**
+ Giới tính: Nam
+ Ngày tháng năm sinh : 19/04/1979
+ Quê quán: Xã Xuân Hòa, Huyện Thọ Xuân,Tỉnh Thanh Hóa
+ Địa chỉ thường trú: Tổ 17 Phường Tích Lương - Tp Thái Nguyên
+ Quốc tịch : Việt Nam
+ Dân tộc : Kinh
+ Trình độ văn hoá : 12/12
+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu SILICAT
+ Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2017: Không

1.5 Kế toán trưởng Công ty:

+ Họ và tên: **Nguyễn Anh Tuấn**

+ Giới tính: Nam

+ Ngày tháng năm sinh: 10/3/1983

+ Địa chỉ thường trú: Tổ 8 - Phường Quang Vinh - TP Thái Nguyên

+ Quốc tịch: Việt Nam

+ Dân tộc: Kinh

+ Trình độ văn hóa: 12/12

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.

+ Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2017: Không

Cơ cấu lao động trong công ty thể hiện cụ thể như sau:

STT	Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Cơ cấu (%)	Ghi chú
I	**Theo chức danh**	Người	**352**		
1	Cán bộ quản lý	,,	31	8,81	
2	Nhân viên hành chính,KT,NV	,,	30	8,52	
3	Nhân viên phục vụ	,,	78	22,16	
4	Công nhân lao động	,,	213	60,51	
II	**Theo trình độ**	,,	**352**		
1	Trên đại học	,,	1	0,28	
2	Đại học	,,	123	34,94	
3	Cao đẳng	,,	22	6,25	
4	Trung học	,,	49	13,92	
5	Công nhân	,,	157	44,60	

- Chính sách đối với người lao động:

+ Các cán bộ nhân viên của Công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ nhân viên.

+ Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương thưởng thích đáng đối với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền lợi theo đúng năng lực cá nhân.

+ Công ty có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như: Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 1 năm 1 lần với khối văn phòng và 1 năm 2 lần với khối kỹ thuật và các phân xưởng .Trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Tổ chức điều dưỡng luân phiên, phục hồi chức năng chọ người lao động,… để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty. Cụ thể Công ty đã xây dựng cơ chế mua bảo hiểm nhân thọ cho các cán bộ công nhân viên là những người có trình độ tâm huyết với Công ty và hàng năm có sự bình xét để có thêm các cá nhân xuất sắc, khích lệ tinh thần trách nhiệm với công việc của các cán bộ nhân viên trong toàn Công ty.

2 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2018 Công ty đã đầu tư xây dựng 2 dự án. Dự án đầu tư dự án xây dựng công trình kho chứa phụ gia xi măng và dự án đầu tư mở rộng kho chứa đất sét. Các dự án đầu tư theo đúng quy trình thủ tục đầu tư hướng dẫn của Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và của Tập đoàn. Đến ngày 31/12/2018. Hai dự án trên đã đi vào giai đoạn hoàn thiên cuối cùng,dự kiến sẽ bàn giao đưa vào sủ dụng trong quý 1/2019.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

3 Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

- Các chỉ tiêu chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	984.888.223.760	1.046.103.643.321	-5,9
Doanh thu thuần	593.475.647.468	483.575.809.801	22,7
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.646.034.381	-27.719.910.406	120,4
Lợi nhuận khác	-288.948.407	-169.477.337	70,5
Lợi nhuận trước thuế	5.357.085.974	-27.889.387.743	119,2
Lợi nhuận sau thuế	5.357.085.974	-27.889.387.743	119,2
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

- Giá trị sổ sách của công ty thời điểm 31/12/2018:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
TÀI SẢN		
A.Tài sản ngắn hạn	**116.007.591.537**	**110.085.030.684**
1.Tiền và các khoản tương đương tiền	14.692.913.067	8.217.219.092
2.Các khoản phải thu ngắn hạn	63.187.734.437	52.859.978.083
3.Hàng tồn kho	26.063.661.993	36.499.096.565
4.Tài sản ngắn hạn khác	12.063.282.040	12.508.736.944
B.Tài sản dài hạn	**868.880.632.223**	**936.018.612.637**
Tổng cộng tài sản	**984.888.223.760**	**1.046.103.643.321**
NGUỒN VỐN		
A.Nợ phải trả	**867.691.881.613**	**934.264.387.148**
1.Nợ ngắn hạn	435.975.106.965	414.853.391.180
2.Nợ dài hạn	431.716.774.648	519.410.995.968
B.Vốn chủ sở hữu	**117.196.342.147**	**111.839.256.173**
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000.000.000	250.000.000.000
2.Thặng dư vốn cổ phần		
3.Quỹ đầu tư phát triển		
4.Quỹ dự phòng tài chính		
5.Lợi nhuận chưa phân phối	-132.803.657.853	-138.160.743.827
Tổng cộng nguồn vốn	**984.888.223.760**	**1.046.103.643.321**

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,27	0,27
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,21	0,18
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Nợ/Tổng tài sản	%	88,10	89,31
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	740,37	835,36
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	15,95	9,61
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,58	0,45
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,01	-0,06
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,05	-0,22
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,01	-0,03
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	0,01	-0,06

4 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 25.000.000 cổ phần
- Loại cổ: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 25.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

b) Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	**626**	**25.000.000**	**100**
* Cá nhân	624	3.706.986	14,83
* Tổ chức	2	21.293.014	85,17
II. Cổ đông nước ngoài	**0**	**0**	**0**
* Cá nhân	0	0	0
* Tổ chức	0	0	0
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	**626**	**25.000.000**	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

5 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

5.3 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh

STT	Các yếu tố	ĐVT	Định mức			Khối lương SP			Nhu cầu vật tư		
			KH	TH	CL	KH	TH	CL	KH	TH	CL
A	B	C	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	7	8	9=8-7
I	NGUYÊN VẬT LIỆU										
a	VẬT LIỆU										
1	**Đá vôi**	**Tấn**				**720.000**	**754.133**	**34.133**	**788.630**	**854.744**	**66.114**
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP	0,867	0,940	0,0728	152.500	184.236	31.736	132.218	173.143	40.926
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	1,115	1,154	0,0388	481.500	468.983	-12.517	536.873	541.128	4.255
	- Clinke bán	Tấn/TSP	1,390	1,392	0,0020	86.000	100.914	14.914	119.540	140.473	20.933
2	**Đất sét**	**Tấn**				**720.000**	**754.133**	**34.133**	**50.228**	**100.259**	**50.031**
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP	0,055	0,110	0,0552	152.500	184.236	31.736	8.388	20.309	11.922
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	0,071	0,135	0,0643	481.500	468.983	-12.517	34.187	63.473	29.286
	- Clinke bán	Tấn/TSP	0,089	0,163	0,0743	86.000	100.914	14.914	7.654	16.477	8.823
3	**Đá cao si lích**	**Tấn**				**720.000**	**754.133**	**34.133**	**36.161**	**0**	**-36.161**
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP	0,040	0,000	-0,0400	152.500	184.236	31.736	6.100	0	-6.100
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	0,051	0,000	-0,0510	481.500	468.983	-12.517	24.557	0	-24.557
	- Clinke bán	Tấn/TSP	0,064	0,000	-0,0640	86.000	100.914	14.914	5.504	0	-5.504
4	**Quặng sắt**	**Tấn**				**720.000**	**754.133**	**34.133**	**11.254**	**11.995**	**741**
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP	0,012	0,013	0,0012	152.500	184.236	31.736	1.830	2.430	600
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	0,016	0,016	0,0002	481.500	468.983	-12.517	7.704	7.594	-110
	- Clinke bán	Tấn/TSP	0,020	0,020	-0,0005	86.000	100.914	14.914	1.720	1.971	251
5	**Thạch cao**	**Tấn**				**634.000**	**653.219**	**19.219**	**14.277**	**10.885**	**-3.392**
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP	0,021	0,014	-0,0069	152.500	184.236	31.736	3.203	2.606	-597

STT	Các yếu tố	ĐVT	Định mức			Khối lương SP			Nhu cầu vật tư		
			KH	TH	CL	KH	TH	CL	KH	TH	CL
A	B	C	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	7	8	9=8-7
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	0,023	0,018	-0,0053	481.500	468.983	-12.517	11.075	8.279	-2.795
6	**Phụ gia cho sản xuất xi măng**	**Tấn**				**634.000**	**653.219**	**19.219**	**149.435**	**141.178**	**-8.257**
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP	0,38	0,337	-0,0426	152.500	184.236	31.736	57.950	62.165	4.215
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	0,19	0,168	-0,0215	481.500	468.983	-12.517	91.485	79.012	-12.473
7	**Phụ gia trợ nghiền**	**Tấn**				**634.000**	**653.219**	**19.219**	**254**	**255**	**1**
	- Xi măng PCB30	Tấn/TSP	0,0004	0,00038	-0,00002	152.500	184.236	31.736	61	70	9
	- Xi măng PCB40	Tấn/TSP	0,0004	0,00039	-0,00001	481.500	468.983	-12.517	193	185	-8
8	**Vỏ bao**	**Vỏ/TSP**				**501.000**	**505.681**	**4.681**	**10.045.050**	**10.126.471**	**81.421**
	- Xi măng PCB30	"	20,05	20,020	-0,0299	152.500	173.284	20.784	3.057.625	3.469.175	411.550
	- Xi măng PCB40	"	20,05	20,028	-0,0218	348.500	332.397	-16.103	6.987.425	6.657.296	-330.129
9	**Vật tư hoá nghiệm**	**đ/Tsp**				**720.000**	**754.133**	**34.133**	**288.000.000**	**161.088.732**	**66.114**
	- Cho sản xuất xi măng	"	400	214	-186	634.000	653.219	19.219	253.600.000	139.532.671	-114.067.329
	- Cho sản xuất clinker bán	"	400	214	-186	86.000	100.914	14.914	34.400.000	21.556.061	-12.843.939
10	**Vật tư, dụng cụ khác**	**đ/Tsp**				**720.000**	**754.133**	**34.133**	**504.000.000**	**1.171.798.253**	**667.798.253**
	- Cho sản xuất xi măng	"	700	1554	854	634.000	653.219	19.219	443.800.000	1.014.994.268	571.194.268
	- Cho sản xuất clinker bán	"	700	1554	854	86.000	100.914	14.914	60.200.000	156.803.985	96.603.985
b	**DẦU MỠ PHỤ**										
1	**Dầu phụ cho TB Sản xuất**	**Lít/TSP**				**720.000**	**754.133**	**34.133**			**20.164**
	- Xi măng PCB30	"	0,051	0,076	0,0244	152.500	184.236	31.736	7.794	13.916	6.122
	- Xi măng PCB40	"	0,051	0,076	0,0244	481.500	468.983	-12.517	24.609	35.424	10.815

STT	Các yếu tố	ĐVT	Định mức			Khối lương SP			Nhu cầu vật tư		
			KH	TH	CL	KH	TH	CL	KH	TH	CL
A	B	C	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	7	8	9=8-7
	- Clinke bán	"	0,051	0,076	0,0244	86.000	100.914	14.914	4.395	7.622	3.227
2	**Dầu cho máy nén khí**	"	0,002	0,001	-0,0002	**720.000**	**754.133**	**34.133**	1.175	1.054	**-121**
3	**Mỡ phụ cho TB sản xuất**	**Kg/TSP**		0,003	0,0030	**720.000**	**754.133**	**34.133**	0	2.251	**91**
	- Xi măng PCB30	"	0,003	0,003	0,0000	152.500	184.236	31.736	458	550	92
	- Xi măng PCB40	"	0,003	0,003	0,0000	481.500	468.983	-12.517	1.445	1.400	-45
	- Clinke bán	"	0,003	0,003	0,0000	86.000	100.914	14.914	258	301	43
4	**Mỡ cho bôi trơn bánh răng Lò(KG 10 HMF)**	**Kg/TSP**	0,001	0,000	-0,0005	**565.251**	**614.039**	**48.788**	300	0	**-300**
5	**Mỡ cho máy cán ép (STABYL HD)**	**Kg/TSP**	0,001	0,000	-0,0001	**634.000**	**653.219**	**19.219**	387	320	**-67**

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm: Không

5.4 Tiêu thụ năng lượng

a. Tổng số năng lượng tiêu thụ trực tiếp: 79.755.999 kw/năm 2018

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

5.5 Bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

5.6 Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018: 352 người
- Mức lương bình quân của người lao động năm 2018: 6.703.132 đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ trong đơn vị, nâng cao ý thức tự giác của người lao động thực hiện tốt việc sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng quy định, tuyên truyền, vận động người lao động tự bảo vệ mình, bảo vệ đồng đội.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số lớp đào tạo trung bình trong năm 2018 là 19 lớp với 240 lượt CBCNV
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

5.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Các hoạt động đối với cộng đồng: Luôn đảm bảo khi địa phương có yêu cầu đóng góp.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- *Tổng quan hoạt động kinh doanh năm 2018:*

Năm 2018, kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng ở mức thấp, những tác động tiêu cực từ Brexit vẫn còn. Trong khi đó, các chính sách nới lỏng tiền tệ (lãi suất thấp hoặc âm, các gói nới lỏng định lượng và định tính…) tại hầu hết các nước không mấy hiệu quả đối với tăng trưởng và lạm phát.

Trước bối cảnh phục hồi kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam đạt được một số thành quả đáng ghi nhận bên cạnh một số khó khăn, thách thức như:

Tăng trưởng kinh tế tăng 7,08% cao hơn so với kế hoạch (6,8%); Ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì: lạm phát năm 2018 ước trong khoảng 3,54 % chủ yếu do giá dịch vụ công được chủ động điều chỉnh. Niềm tin nhà đầu tư nước ngoài ngày càng được củng cố vào ổn định vĩ mô; Tỷ giá và thị trường ngoại hối ổn định; Cán cân thanh toán quốc tế (CCTTQT) đảo chiều; Bội chi NSNN đạt thấp hơn so với năm 2017, chi NSNN cũng tăng thấp hơn so với thực hiện năm 2017; Xếp hạng môi trường kinh doanh năm 2018 của Việt Nam tăng vượt bậc. Điều này đã tạo điều kiện cho khu vực doanh nghiệp tiếp tục phát triển với số lượng đăng ký và vốn đăng ký tăng nhanh.

Về phía Công ty, năm 2018, Công ty cũng gặp nhiều khó khăn về thị trường do nằm trong vùng mật độ có nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước, cùng với đó là sự cạnh tranh gay gắt từ các đơn vị trong ngành.Tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban điều hành, sự đoàn kết của tập thể người lao động, Công ty đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Sản lượng sản xuất, tiêu thụ năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Sản xuất	Tiêu thụ	% so với KH
1	Xi măng Bao PCB 30	Tấn	152.500	172.734,48	173.284,45	113,63
2	Xi măng Bao PCB 40	Tấn	348.500	331.736,70	332.396,70	95,38
3	Xi măng Bột PCB 30	Tấn	0	11.501,75	11.913,22	
4	Xi măng Bột PCB 40	Tấn	133.000	137.246,02	141.353,85	106,28
5	Clinker	Tấn	86.000	122.678,79	122.678,79	142,65
Tổng cộng			**720.000**		**781.627,01**	**108,56**

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
1	**Doanh thu BH và CCDV**	**593.475.647.468**	**483.575.809.801**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	**Doanh thu thuần về BH và CCDV**	**593.475.647.468**	**483.575.809.801**
4	Giá vốn hàng bán	498.970.741.845	420.172.038.621
5	**Lợi nhuận gộp về BH và CCDV**	**94.504.905.623**	**63.403.771.180**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	13.430.581	614.923.893
7	Chi phí tài chính	60.918.548.114	68.537.444.048
8	Chi phí bán hàng	9.587.986.910	7.941.586.509
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.365.766.799	15.259.574.922
10	**Lợi nhuận thuần từ HĐKD**	**5.646.034.381**	**(27.719.910.406)**
11	Thu nhập khác	58.418.820	156.693.943
12	Chi phí khác	347.367.227	326.171.280
13	**Lợi nhuận khác**	(288.948.407)	(169.477.337)
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**5.357.085.974**	**(27.889.387.743)**

Doanh thu năm 2018 đạt 593,47 tỷ đồng tăng 22,73% so với năm 2017. Lợi nhuận năm 2018 đạt 5,3 tỷ đồng bằng 93,98% KH. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2018 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	**Tổng doanh thu, thu nhập quyết toán:**	**Tr. đồng**	**484.347,43**
	Trong đó: - Doanh thu sản xuất xi măng	""	587.575,23
	- Doanh thu khác	""	5.972,27
2	**Lợi nhuận quyết toán:**	""	**5.357,09**
	Trong đó: - Sản xuất xi măng	""	66.400,43
	- TN hoạt động tài chính	""	-60.905,12
	- Thu nhập khác	""	-138,23
3	**Lợi nhuận theo quy chế năm 2018:**		6.187,88
3	**Lợi nhuận tăng (+)/giảm (-) so với kế hoạch:**	""	**-830,79**
	*** Nguyên nhân làm giảm lãi :**	""	**19.617,50**
	- Nhiên liệu	""	8.409,08

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
	- Tiền lương, bảo hiểm trích vào giá thành	""	251,93
	- Trích lập dự phòng	""	3.266,10
	- Chi phí Động lực	""	6.417,50
	- Chi phí khác	""	1272,9
	*** Nguyên nhân làm tăng lãi**	""	**18.786,71**
	- Chi phí Nguyên vật liệu (Vật liệu, PTTT, DMP. Sửa chữa TX)	""	2.513,64
	- Giá bán tăng so với giá bán kế hoạch	""	2603,3136
	- CP tài chính (lãi lưu động, cố định,)	""	7.351,14
	- Khấu hao TSCĐ (do sản lượng tăng)	""	6.318,62
	Chênh lệch		**-830,80**

- Những tiến bộ đã đạt được:

Đứng trước những thách thức và biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực tối đa để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo gia tăng hiệu quả và giảm thiệt hại tối đa cho Công ty.

Trong công tác điều hành Công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào và hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty luôn duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2018, Ban điều hành Công ty tiếp tục phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết vượt qua khó khăn phấn đấu trong lao động sản xuất của đội ngũ người lao động đã tạo nê không khí thi đua, thúc đẩy công việc được giao và kết quả được thể hiện như sau:

+ Về thị trường:

- Thường xuyên bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra giải pháp thích hợp nhằm tăng sản lượng xi măng bán cho thị trường có giá bán cao;

- Phối hợp chặt chẽ với các nhà máy xi măng trong và ngoài hệ thống của VINACOMIN để kiểm soát chặt thị trường, giá bán theo đúng chỉ đạo, điều hành thị trường của Công ty mẹ nên đã hạn chế được tình trạng các sản phẩm xi măng của các công ty trong cùng hệ thống cạnh tranh nhau giá bán trên cùng một thị trường. Một số địa bàn như Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Cao Bằng là thị trường chủ đạo của Công ty trong những năm qua luôn được Công ty duy trì ổn định về sản lượng và tăng giá bán đáng kể.

- Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ và luôn đôn đốc thu hồi công nợ.

+ Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện và điều hành sản xuất:

Công tác kỹ thuật đã có nhiều cố gắng trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt nam. Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao chất lượng clinker sản xuất, duy trì tỷ lệ phụ gia xỉ trong xi măng đạt kế hoạch giao; nên năm 2018 Công ty đã tiết giảm được chi phí giá thành so với năm 2017.

Công tác điều độ sản xuất được thực hiện nhịp nhàng, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong sản xuất, duy trì hai dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục ổn định. Khâu điều độ quy hoạch kho bãi nguyên vật liệu tận dụng điều kiện kho bãi linh hoạt nên đã bảo quản tốt nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển.

Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn. Tổ chức bảo dưỡng định kỳ thiết bị dây chuyền sản xuất theo kế hoạch để duy trì tình trạng kỹ thuật phòng ngừa sự cố để tăng thời gian huy động của thiết bị.

+ Công tác kế hoạch khoán, quản:

- Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để triển khai xây dựng và đề xuất lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch

sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao, đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích, kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời;

- Công tác vật tư đã quản lý, cung ứng vật tư năm 2018 đúng, đủ, kịp thời phục vụ cho sửa chữa, thay thế vật tư. Thủ tục mua bán vật tư thực hiện theo đúng quy chế quản lý vật tư của Công ty, Công ty mẹ và Vinacomin. Vật tư mua đảm bảo yêu cầu của sản xuất.

+ Công tác quản lý kế toán, tài chính:

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận theo đúng chế độ quy định. Làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện tốt các khoản thu, chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

+ Công tác tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn, thỏa đáng, đúng nguyên tắc; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn cho người lao động trong Công ty đầy đủ, đúng pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty.

+ Các phân xưởng sản xuất:

Các phân xưởng nhìn chung đã chủ động trong công việc dựa trên kế hoạch được giao và các chỉ tiêu đã giao khoán, đã phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong sản xuất, phối hợp nhịp nhàng thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Khối phục vụ:

Đã giúp việc cho lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho người lao động. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp, chú trọng xây dựng khu tập thể xóm thợ cho người lao động trở thành khu văn hóa.

+ Công tác an toàn, bảo hộ lao động:

Công tác an toàn, bảo hộ lao động luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra tai nạn lao động, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Tình hình tài sản tại thời điểm 31/12/2018:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018 (VNĐ)
I	Tài sản ngắn hạn	116.007.591.537
II	Tài sản dài hạn	868.880.632.223
	Tổng cộng	**984.888.223.760**

Tình hình công nợ phải thu đến 31/12/2018:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018 (VNĐ)
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	68.396.333.665
2	Trả trước cho người bán	3.824.033.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.590.516.870
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(11.623.149.098)
	Tổng cộng	**63.187.734.437**

Cơ cấu tài sản của Công ty trong năm qua đã dần dần phát huy được năng suất, hiệu quả của việc đầu tư, tuy nhiên do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên tài sản cố định vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn.

Về các khoản nợ phải thu, đến thời điểm 31/12/2018, tồn tại một số khoản phải thu, quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi với giá trị 14,68 tỷ đồng và đã được Công ty trích lập dự phòng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Dư nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2018:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018 (VNĐ)
I	Nợ ngắn hạn	435.975.106.965
II	Nợ dài hạn	431.716.774.648
	Tổng cộng	**867.691.881.613**

Công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2018:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018 (VNĐ)
1	Phải trả người bán ngắn hạn	214.583.276.410
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.818.596.993
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	40.104.082.431
4	Phải trả người lao động	3.846.876.234
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	807.192.167
6	Phải trả ngắn hạn khác	870.081.083
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	173.945.001.647
	Tổng cộng	**435.975.106.965**

Dư nợ phải trả của Công ty đang ở mức khá lớn, bằng 88,10% tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2018. Trong đó, khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nợ phải trả (chiếm 49,75 %). Bên cạnh đó, khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn cũng chiếm tỷ trọng tương đối 20,05%. Công ty sử dụng các khoản vay này để tài trợ cho tài sản cố định là Nhà máy xi măng Quán Triều, và vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư khoản vay dài hạn đến thời điểm 31/12/2018 là 517,37 tỷ đồng.

Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2018, Công ty đã áp dụng trả lương cho người lao động quản lý, phục vụ gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Triển khai thực hiện Quy chế quản lý lao động và tiền lương trong Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI đã

ban hành theo quyết định số 07/QĐ - HĐQT ngày 22/03/2018 của Hội đồng Quản Trị.Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp; tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, nâng suất thiết bị, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững;

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời, phù hợp, giữ vững thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận;

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng nhằm giảm chi phí kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường;

- Tạo điều kiện cho các cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn và chất lượng, tăng cường bộ phận khai thác thị trường, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Ý kiến của Kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty là ý kiến chấp thuận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty luôn cố gắng tiết kiệm nguồn năng lượng sử dụng điện, nước một cách tối đa.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn quan tâm đến lợi ích của người lao động, người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ phúc lợi của Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty chấp hành tốt các quy định của địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2018 Công ty đã có nhiều cố gắng và chỉ đạo tích cực việc thực các nghị quyết từng Quý trong năm của HĐQT đề ra, có đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD từng tháng. Ban điều hành công ty đã chỉ đạo và thực hiện tốt những định hướng, chiến lược đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty :

Năm 2018 Ban giám đốc công ty đã chuẩn bị tốt các nội dung báo cáo hàng quý, năm trình Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt. Tổ chức và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn trong việc lãnh đạo quản lý, điều hành theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

V. Quản trị Công ty:

*** Thành viên hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị do đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm các thành viên:

1. Ông Ngô Ngọc Sơn - Chủ tịch HĐQT.

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

- Sinh ngày 19/08/1961.
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mỏ
- Địa chỉ thường trú: Số 22 khu A tập thể nhạc viện Hà Nội - Đống Đa - Hà Nội

2. Ông Hà Văn Chuyển - Trưởng phòng vật tư thị trường - Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP - Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI

Sinh ngày 18/09/1966

- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp
- Địa chỉ thường trú: Nhà N3 khu chung cư Đồng Tầu - Phường Thịnh Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 10T2XD492 tổ 12 Hoàng Liệt,Hoàng Mai,Hà Nội

3. Ông Đỗ Ngọc Huy - Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI. - Sinh ngày 19/04/1979

- Giới tính:Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa:12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu Silicat
- Địa chỉ thường trú: Tổ 17 Phường Tích Lương - Tp Thái Nguyên.

4. Ông Trần Việt Cường - Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/3/1974
- Địa chỉ thường trú:Tổ 14- Phường Hoàng Văn Thụ- TP Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2017: 0

5.Ông Đồng Quang Lực - Ủy viên HĐQT - Trưởng phòng Phòng Quản lý vốn - Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.(Đến hết ngày 05/04/2018)

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/10/1965
- Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2017: 0

6. Bà Đỗ Thu Hương - Ủy viên HĐQT - Phó phòng kinh tế kế hoạch - Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.(Kể ngày 05/04/2018)

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/04/1972
- Địa chỉ thường trú: Số 11,nghách 15 ngõ Hoàng An,Phố Lê Duẩn,Phường Trung Phụng,Quận Đống Đa,Tp Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2018: 1.400 cp

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Trong năm đã triển khai các cuộc họp như sau:

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
1	10/01/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp bất thường quý I/2018 về việc: 1.Thông qua phương án trình Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP bảo lãnh đối với khoản vay tại ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Thái Nguyên, cụ thể như sau: - Giá trị bảo lãnh là: 20.000.000 VNĐ (Hai mươi tỷ đồng). - Thời gian thực hiện: từ khi phát sinh bảo lãnh đến hết ngày 30/9/2018. 2. - Thông qua nội dung dung bảo lãnh vay vốn của Tổng CT đảm bảo cho việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên - Đồng ý thế chấp hàng tồn kho luân chuyển, các khảo phải thu và 01 xe ô tô Mazda BKS	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		20C - 06647 làm một phần tài sản đảm bảo cho việc vay vốn. 3. - HĐQT nhất trí ủy quyền cho Ông Trần Việt Cường - Chức vụ quyền Giám đốc là đại diện hợp pháp cho Công ty thỏa thuận, ký kết và quyết định tất cả các nội dung trong Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng và giấy tờ khi giao dịch với Ngân hàng và các cơ quan chức năng liên quan trong quyền hạn của HĐQT Công ty. - HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục để trình cấp có thẩm quyền của Tổng CT thông qua phương án bảo lãnh vay vốn trên đúng quy định của pháp luật. - HĐQT Công ty cam kết chịu trách nhiệm về khoản vay này đồng thời chỉ đạo Bộ máy điều hành Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cân đối, được nguồn thu để trả nợ ngân hàng cho khoản vay này.	
2	20/1/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp bất thường quý I/2018 về việc: 1. Đồng ý phê duyệt điều chỉnh giá trị cung cấp vật tư sửa chữa vật liệu chịu lửa tháp trao đổi nhiệt, ghi lạnh thuộc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 từ 8.017.000.000 đồng lên 14.856.000.000 đồng giá trịu chưa bao gồm thuế GTGT.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
3	5/2/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý I/2018 về việc: 1. Phê duyệt kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017. 2. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		quý I năm 2018. 3. Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2018 cuat Công ty CPXM Quán Triều là 49.42 đồng/ 1000 đồng doanh thu. Trong đó: - Đơn giá tiền lương cho viên chức quản lý: Đơn giá lương trên 1000 đồng doanh thu: 2.65 đồng. - Đơn giá tiền lương cho người lao động: Đơn giá lương trên 1000 đồng doanh thu: 46.77 đồng. 4. Dự kiến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông từ ngày 1/4/2018 đến ngày 5/4/2018và giao cho Giám đốc Công ty chuẩn bị các nội dung để phục vụ Đại hội.	
4	2/03/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp bất thường quý I/2018 về việc đồng ý phê duyệt phương án thuê hoạt động 01 xe ô tô 7 chỗ gầm cao 1 cầu phục vụ sản xuất kinh doanh với giá trị tổng chi phí thuê thiết bị gồm cả dự phòng không vượt quá: 2.430.819.930 đồng (Hai tỷ bốn tram ba mươi triệu tám trăm mười chín nghìn chin trăm ba mươi đồng).	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
5	21/03/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp chuẩn bị tổ chức ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2018: 1. Phê duyệt danh sách cổ đông triệu tập tham dự ĐHĐ cổ đông là 628 người. Giao cho Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục và phát hành thông báo triệu tập cổ đông tham dự hoặc ủy quyền tham dự đúng thành phần và thời gian quy định.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		2. Phê duyệt chương trình ĐH, thống nhất nội dung trong dự thảo các báo cáo trình ĐH. 3. Thống nhất ban hành các quy chế ĐH. 4. Thống nhất tờ trình đề nghị ĐH phê duyệt Báo cáo quyết toán tài chính năm 2017. 5. Thống nhất tờ trình đề nghị chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2018. 6. Thống nhất tờ trình của BKS về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2018. 7. Thống nhất tờ trình Tổng CT CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP bảo lãnh cho Công ty vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2018. 8. Đồng ý bầu cử bổ sung thành viên HĐQT là 01 người, BKS là 01 người. 9. Thống nhất thông qua sửa đổi điều lệ Công ty theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017. 10.Thống nhất thông qua tờ trình ủy quyền cho HĐQT thông qua việc ký kết các hợp đồng liên quan theo điều 162 Luật doanh nghiệp. 11. Thống nhất tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp. 12. Đồng ý quyết định thành lập các ban chuẩn bị Đại hội. 13. Đồng ý lấy ngày 5/4/2018 làm ngày ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. 14. Đồng ý thông qua quy chế quản lý lao	

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		động và tiền lương Công ty.	
6	05/04/2018	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường nien năm 2018 Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI: 1. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 của HĐQT Công ty. 2. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2018 của Giám đốc Công ty. 3. Báo cáo của BKS Công ty tại ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2018. 4. Tờ trình của BKS về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018. 5. Tờ chính báo cáo quyết toán Tài chính năm 2017 sau kiểm toán của HĐQT. 6. Tờ trình đè nghị Tổng CT bảo lãnh cho Công ty vay vốn phục vụ SXKD năm 2018. 7. Tờ trình về việc thực hiện chi trả thù lao năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018 cho thành viên HĐQT, BKS Công ty. 8. Tờ trình sửa đổi điều lệ tổ chức hoạt động Công ty theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017. 9. Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các giao dịch của người có liên quan năm 2018 theo điều 162 Luật Doanh nghiệp. 10. Thông qua việc bổ sung vào biên bản và Nghị quyết ĐHĐ cổ đông năm 2017 nội dung ủy quyền cho HĐQT thông qua việc giao	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		dịch hợp đồng của người có liên quan theo điều 162 Luật DN. 11. Thông qua tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2018. 12. Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT, 01 thành viên BKS của Công ty CP XMQT VVMI nhiệm kỳ 2017-2022.	
7	9/04/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp bất thường quý II/2018 về việc: 1.Thực hiện phương án trình Công ty mẹ là Tổng CT phê duyệt tang định mức dư nợ tiền than, đá vôi và vỏ bao xi măng cho Công ty. 2. Đông ý phê duyệt đề cương, chi phí lập BCKTKT xây dựng công trình và kế hoạch đấu thầu gói số 01 dự án: Đầu tư xây dựng công trình kho chứa phun gia xi măng và đầu tư mở rộng kho chứa đất sét với giá trị 145.099.000 đồng (Một trăm bốn lăm triệu không trăm chí chín nghìn đồng) đã bao gồm thuế GTGT.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
8	20/04/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý II/2018 về việc: 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I năm 2018. 2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2018. 3.Thông qua hệ thống thang bảng lương theo tờ trình số 267/TTr-XMQT ngày 30/3/2018.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
9	14/05/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý II/2018 về việc: 1. Thông qua hạn mức vay vốn lưu động Hợp	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		đồng 2018 như sau: - Ngân hàng Vietinbank TN: 20 tỷ đồng. - Ngân hàng MB TN: 50 tỷ đồng. - Ngân hàng BIDV TN: 40 tỷ đồng. 2. Thông qua các dự án đầu tư duyệt vay vốn (70%) theo kế hoạch đàu tư xây dựn của Công ty năm 2018 với giá trị vay vốn là: 15.621.000.000 đồng. 3. HĐQT nhất trí ủy quyền cho ông Trần Việt Cường - Quyền Giám đốc Công ty là đại diện hợp pháp cho Công ty thỏa thuận, ký kết và quyết định tất cả các nội dung trong Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng và giấy tờ khi giao dịch với Ngân hàng và các cơ quan liên quan trong quyền hạn của HĐQT Công ty cho đến khi các hợp đồng, văn bản ký kết chấm dứt và Công ty hoàn thành các nghĩa vụ phát sinh với ngân hàng. 4. Giao cho ông Trần Việt Cường - Quyền Giám đốc Công ty sử dụng vốn vay đúng mục đích, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả và cân đối được nguồn thu để trả nợ đày đủ gốc và lãi các khản vay này cho ngân hàng đúng thời hạn.	
10	05/06/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý II/2018 về việc: 1. Thông qua phương án sửa chữa hệ thống cấp nước cứu hỏa cho phòng điều khiển TT và phòng thí nghiệm với giá trị là 758.573.664 đồng đã bao gồm thuế GTGT. 2. Đồng ý phê duyệt BCKTKT xây dựng công trình và kế hoạch đầu tư dự án: Đầu tư	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		xây dựng công trình kho chứa phụ gia xi măng và đầu tư mở rộng kho chứa đất sét với giá trị dự toán là 3.578.909.727 đồng đã bao gồm thuế GTGT. 3. Thông qua phương án sửa chữa máy đóng bao với giá trị là 749.428.680 đồng đã bao gồm thuế GTGT. 4. Giao cho ông Trần Việt Cường - Quyền Giám đốc Công ty điều hành thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước, của Tổng CT và phải đảm bảo lợi nhuận như HĐQT đã thông qua.	
11	24/06/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý II/2018 về việc: thông qua dự án đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động với giá trị đầu tư là 6.859.478.169 đồng.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
12	3/07/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý III/2018 về việc: 1.Đông ý để Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty. 2. Giao cho ông Trần Việt Cường - Quyền Giám đốc Công ty đàm phán các nội dung trong hợp đồng và ký kết hợp đồng.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
13	6/07/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý III/2018 về việc: HĐQT Công ty thống nhất bổ nhiệm Ông Trần Việt Cường - Quyền Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc Công ty và báo cáo về Tổng CT xin ý kiến chỉ đạo theo quy định.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
14	25/07/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp	HĐQT 100% nhất

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		thường kỳ quý III/2018 về việc: 1. Thông qua kết quả SXKD quý II và 6 tháng đầu năm 2018. 2. Thông qua kế hoạch SXKD quý III năm 2018. 3. Thông qua tờ trình về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Đầu tư hệ thồn quan trắc môi trường tự động. 4. Thông qua tờ trình số 604A/TTr-KTTKTC ngày 16/7/2018 về việc ban hành quy chế vay vốn từ CBCNV Công ty.	trí thông qua nghị quyết
15	27/08/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý III/2018 về việc: Thông qua chủ trương hợp tác theo tờ trình số 719/TTr ngày 24/8/2018 của Công ty xin chủ trương hợp tác đầu tư hệ thống phát điện sử dụng nhiệt khí thải và báo cáo về Tổng CT xin ý kiến chỉ đạo.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
16	30/08/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý III/2018 về việc: nhất trí thông qua quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo Công ty giai đoạn 2016 - 2020 (sau rà soát, bổ sung) và giai đoạn 2020- 2025.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
17	31/8/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý III/2018 về việc: Đồng ý bổ nhiệm ông Trần Việt Cường - Phó Giám đốc, quyền Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 1/9/2018.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
18	9/9/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý III/2018 về việc: 1. Thông qua chương trình vay vốn, phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Quân	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		đội - CN Thái Nguyên, cụ thể: - Vay ngắn hạn giá trị 50.000.000.000 VNĐ. Mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh LC thời hạn 5 tháng. - Nguồn thanh toán, trả nợ: Từ doanh thu, lợi nhuận của Công ty. 2. - Đồng ý dung bảo lãnh của Tổng CT làm tài sản đảm bảo cho việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên. - Đồng ý thế chấp hàng tồn kho luân chuyển làm tài sản đảm bảo cho việc vay vốn. 3. HĐQT nhất trí ủy quyền cho ông Trần Việt Cường - Giám đốc Công ty làm đại diện pháp lý cho Công ty thỏa thuận, ký kết và quyết định tất các nội dung trong Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng và giấy tờ khi giao dịch với Ngân hàng và các cơ quan liên quan trong quyền hạn của HĐQT Công ty cho đến khi các hợp đồng, văn bản ký kết chấm dứt và Công ty hoàn thành các nghĩa vụ phát sinh với ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên.	
19	10/10/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý IV/2018 về việc: 1.Phê duyệt tổng hạn mức vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2018-2019 là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). - Ngân hàng TMCP công thương VN - CN Thái Nguyên là 20 tỷ đồng. - Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên là 40 tỷ đồng. - Ngân hàng TMCP ĐT & PT - CN Thái	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		Nguyên là 40 tỷ đồng. 2. Thông qua phương án bảo lãnh vay vốn từ Tổng CT đối với khoản vay của công ty tại các ngân hàng như sau: - Ngân hàng TMCP công thương VN - CN Thái Nguyên giá trị bảo lãnh là 20 tỷ đồng. Thời gian thực hiện từ khi phát sinh bảo lãnh đến hết ngày 30/9/2019. - Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên giá trị bảo lãnh là 40 tỷ đồng. Thời gian thực hiện từ khi phát sinh bảo lãnh đến hết ngày 30/9/2019. - Ngân hàng TMCP ĐT & PT - CN Thái Nguyên giá trị bảo lãnh là 40 tỷ đồng. Thời gian thực hiện từ khi phát sinh bảo lãnh đến hết ngày 31/10/2019 3. HĐQT nhất trí ủy quyền cho ông Trần Việt Cường - Giám đốc Công ty làm đại diện pháp lý cho Công ty thỏa thuận, ký kết và quyết định tất các nội dung trong Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng và giấy tờ khi giao dịch với Ngân hàng và các cơ quan liên quan trong quyền hạn của HĐQT Công ty. 4. HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục để trình các cấp có thẩm quyền của Tổng CT thông qua phương án bảo lãnh vay vốn trên theo đúng quy định của pháp luật. 5. HĐQT Công ty cam kết chịu trách nhiệm chỉ đạo bộ máy điều hành Công ty SXKD co hiệu quả, cân đối được nguồn thu để trả nợ kịp thời và đúng hạn đối với các khoản vay này.	

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
20	23/10/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý IV/2018 về việc: 1. Thông qua kết quả SXKD quý III và 9 tháng năm 2018. 2. Thông qua kế hoạch SXKD quý IV năm 2018 3. Xây dựng kế hoạch đền bù 6 hộ dân xóm Bãi Chè, xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để Tổng CT xem xét. 4. Nghiên cứu hình thức thuê ngoài để tiết giảm chi phí, đảm bảo hiệu quả SXKD. 5. Tích cực làm việc với các cá nhân, các khách nợ để thu hồi công nợ. Đồng thời làm việc với cơ quan Công an để giải công nợ khó đòi theo quy định của pháp luật. 6. Nghiên cứu các giải pháp khuyến khích tiền lương cho người lao động. 7. Giao cho Giám đốc Công ty chỉ đạo xây dựng phương án đưa Công ty thoát khỏi khó khăn theo quy định tại Nghị định 87/NĐ-CP để trình HĐQT Công ty phê duyệt. Phương án phải nêu rõ biện pháp, thời gian khắc phục, đánh giá hiệu quả từng giai đoạn, các điều kiện để triển khai phương án và các nhu cầu, điều kiện để Tổng CT và các đơn vị khác hỗ trợ.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
21	26/11/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý IV/2018 về việc: 1. Thông qua kết quả kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 07: cung cấp thiết bị, lắp đặt và các dịch vụ kỹ thuật của hệ thống quan trắc môi trường tự động Công ty với giá trị là	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		5.194.970.000 đồng đã bao gồm thuế GTGT. 2. Thông qua dự toán và kế hoạch thực hiện thuê ngoài năm 2019 với giá trị là 6.546.081.733 đồng đã bao gồm thuế GTGT. 3. Đồng ý hủy quyết định số 35/QĐ-HĐQT ngày 1/12/2017 của HĐQT Công ty về việc ban hành quy chế tiêu thụ xi măng, clinker kể từ ngày 1/12/2018 và giao cho Giám đốc Công ty ban hành quy chế tiêu thụ xi măng, clinker.	
22	10/12/2018	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp thường kỳ quý IV/2018 về việc: 1. Thông qua quy chế tuyển dụng lao động Công ty CP xi măng Quán Triều VVMI. 2. Đồng ý tạm phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2019 theo tờ trình số 1001/TTr-XMQT ngày 3/12/2018 của Công ty. 3. Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2019 của Công ty là 50.92 đồng/ 1000 đồng doanh thu: - Đơn giá tiền lương cho viên chức quản lý: đơn giá lương trên 1000 đồng doanh thu là 2.52 đồng. - Đơn giá tiền lương cho người lao động: đơn giá lương trên 1000 đồng doanh thu là 48.40 đồng.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
23	21/BB - HĐQT	Biên bản họp HĐQT Công ty phiên họp định kỳ quý IV năm 2018. 1.Phê duyệt các nội dung theo tờ trình số 1129/TTr-XMQT ngày 31/12/2018 về việc	

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
		xem xét trích lập các khoản dự phòng Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI. 2 Phê duyệt các nội dung theo tờ trình số 1130/TTr - XMQT ngày 31/12/2018 Phương án thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định - Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.	

*** Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Với chủ trương không ngừng mở rộng thị trường, tập trung đội ngũ cán bộ phát huy thế mạnh điều kiện sẵn có để nâng cao chất lượng mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Bảo toàn và phát triển vốn, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tối ưu hóa nguồn thu cho Công ty.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu ra. Ban kiểm soát chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hoạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty.

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Tạ Văn Long	Trưởng ban	Chuyên trách
2	Ông Lê Minh Hiển	Uỷ viên	Đến ngày 05/04/2018
3	Bà Phạm Thị Thúy Nga	Uỷ viên	
4	Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Uỷ viên	Từ ngày 05/04/2018 đến ngày 05/11/2018
5	Ông Phạm Đình Tuấn	Ủy viên	Từ ngày 05/11/2018

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) có Trưởng ban hoạt động chuyên trách, còn các kiểm soát viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Họp định kỳ mỗi quý 01 lần. Lịch họp cụ thể do trưởng BKS triệu tập các thành viên, nội dung họp của BKS nhằm kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán thống kê và báo cáo tài chính của Công ty. Sau mỗi lần triệu tập làm việc BKS tiến hành họp kiểm điểm hoạt động nhiệm vụ kỳ trước và có kế hoạch nhiệm kỳ tiếp theo.

Ngoài chương trình làm việc định kỳ trên, trưởng BKS có thể triệu tập họp đột xuất để giải quyết công việc cần thiết theo yêu cầu của các cổ đông hoặc theo đơn thư khiếu nại của CBCNV Công ty.

Trước khi tiến hành kiểm tra, Ban kiểm soát có văn bản thông báo HĐQT về nội dung và thời gian tiến hành kiểm tra. Hoạt động của BKS không làm ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán, thảo luận về những vấn đề khó khăn tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập tư vấn.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm, ngoài việc kiểm tra, kiểm soát thường xuyên của Trưởng ban kiểm soát, Ban kiểm soát đã triệu tập 5 cuộc họp để đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm tra theo từng chuyên đề trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty:

Ban kiểm soát đã ban hành 14 văn bản. Bao gồm các biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát; các văn bản của Ban kiểm soát gửi đến HĐQT, Ban giám đốc, Các Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính và tờ trình đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán.

V.Báo cáo tài chính:

Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán (đính kèm).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

TRẦN VIỆT CƯỜNG